

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán:

ông Trần Văn Mười

bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:** ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Tại quyết định sơ thẩm số 1444/2019/QĐST-DS ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 192; Điểm g Khoản 1 Điều 217; Khoản 1 Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 25 Phú Thuận, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 23/4 Phú Thuận, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1941;

Địa chỉ: 30/4 khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1946;

Địa chỉ: 803/14/10 khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1945;

Địa chỉ: 67 khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1951;

Địa chỉ: 23/4B khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: 23/4C khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 07 Chuyên Dừng 9, khu phố 3, phường PM, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 20 Chuyên Dừng 9, khu phố 3, phường PM, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 13/1D khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1961;

3.10. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: 23/3A khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.11. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 1/3C khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 55 ấp 4, xã Phước Kiểng, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.13. Ông Trần Văn V, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 73/8 Hồ Hảo Hớn, phường CG, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.14. Bà Trần Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 192 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.15. Ông Trần Văn T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: 194 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.16. Ông Trần Anh T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 15/2 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.17. Ông Trần Minh M, sinh năm 1973;

3.18. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: 917 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.19. Bà Trần Ngọc Thúy N, sinh năm 1993;

3.20. Ông Trần Quang K, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: 917A Huỳnh Tấn Phát, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.21. Bà Trần Thị C, sinh năm 1953;

Địa chỉ: 943 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.22. Bà Trần Kim C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 803/58/71/3A Phú Thuận, khu phố 2, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.23. Bà Trần Thị Phương L, sinh năm 1977;

3.24. Ông Trần Duy K, sinh năm 1983;

3.25. Ông Trần Duy P, sinh năm 1981;

3.26. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ: 160/18/17 Nguyễn Văn Quỳ, khu phố 1, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.27. Công ty X;

Địa chỉ: 64 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do mà Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án, như sau:

-Nguyên đơn là bà Trần Thị Ch khởi kiện, tranh chấp với bị đơn là ông Nguyễn Văn Tr về quyền sử dụng phần đất có diện tích $4.125m^2$ thuộc thửa 90, 92 tờ bản đồ số 4, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, phần đất tranh chấp nói trên đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử xong bằng bản án phúc thẩm số 512/2011/DS-PT ngày 05/05/2011 (vụ án tranh chấp về thừa kế giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B; ông Nguyễn Văn P; bà Nguyễn Thị Q; bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Đ; bị đơn là ông Nguyễn Văn Tr) và bản án đang có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn kháng cáo ngày 20/11/2019, bà Trần Thị Ch yêu cầu Tòa án cấp

phúc thẩm hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự số 1444/2019/QĐST-DS ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại phiên họp phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ch, giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1]Về thời hạn kháng cáo:

Vào ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định sơ thẩm số 1444/2019/QĐST-DS để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”* giữa các đương sự mà trong vụ án đó, bà Trần Thị Ch tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự.

Vào ngày 20/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt hợp lệ quyết định nói trên cho bà Trần Thị Ch (bút lục 229).

Cùng vào ngày 20/11/2019, bà Trần Thị Ch có đơn kháng cáo quyết định nói trên. Như vậy, việc kháng cáo của bà Trần Thị Ch là đúng hạn luật định.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]Tại bản án Dân sự phúc thẩm số 512/2011/DS-PT ngày 05/05/2011 xét xử vụ án *“Tranh chấp thừa kế”*, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau: *“Công nhận diện tích đất nông nghiệp thể hiện trên Bản đồ hiện trạng – vị trí số hợp đồng 104925-2/ĐDBĐ-VPTT, Bản đồ hiện trạng – vị trí số hợp đồng 104925-3/ĐDBĐ-VPTT và Bản đồ hiện trạng – vị trí số hợp đồng 104925-4/ĐDBĐ-VPTT do trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập cùng ngày 15/5/2009 thuộc các thửa 92, 90, 93, 325, 481, 482, 482 tờ bản đồ số 04 xã Phú Mỹ nay là phường PT, quận X (thửa BK) phân chiết 324-1 theo tài liệu 02/CT-UB có tổng diện tích 10.834,7m² (Phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00529QSDĐ/08/QĐ-H2000 ngày 07/12/2000 của Ủy ban nhân dân quận X ghi tên ông Nguyễn Văn Năm là di sản của ông Năm”*. Đồng thời, Tòa án cũng chia di sản của ông Nguyễn Văn Năm cho những người thừa kế, trong đó có ông Nguyễn Văn Tr (ông Nguyễn Văn Tr là một trong những người con của ông-bà Nguyễn Văn Năm-Trần Thị Kiêm).

[2.2]Án lệ số 38/2020/AL do Hội đồng Thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao công bố, có nội dung như sau:

“Sau khi tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đã được phân chia bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì có người khác (không phải là đương sự trong vụ án đó), khởi kiện đòi quyền sở hữu nhà

và quyền sử dụng đất đó. Trường hợp này, Tòa án không thụ lý vụ án mới. Người có yêu cầu đòi quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo quy định của pháp luật”.

Xét thấy, phần đất mà bà Trần Thị Ch khởi kiện, tranh chấp với ông Nguyễn Văn Tr, là phần đất có diện tích 4.125m² thuộc thửa 90, 92 tờ bản đồ số 4, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bản án Dân sự phúc thẩm số 512/2011/DS-PT ngày 05/05/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh viện dẫn nói trên, phần đất này đã được Tòa án xác định là di sản của ông Nguyễn Văn Năm và Tòa án đã chia thừa kế cho những người được hưởng thừa kế theo luật định.

Mặc dù bà Trần Thị Ch không phải là đương sự tham gia tố tụng trong vụ án mà Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo bản án Dân sự phúc thẩm số 512/2011/DS-PT ngày 05/05/2011, nhưng vì quyền sử dụng đất (thuộc thửa 90, 92 tờ bản đồ số 4, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh) đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, nên đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ch sẽ không được Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, chiếu theo án lệ số 38/2020/AL viện dẫn nói trên.

[2.3] Như vậy, việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo Điểm c Khoản 1 Điều 192 và Điểm g Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, là có căn cứ pháp luật.

Bà Trần Thị Ch kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án sơ thẩm nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới; Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

Căn cứ Điều 314 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ch; giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự sơ thẩm số 1444/2019/QĐST-DS ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí phúc thẩm: bà Trần Thị Ch phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0045039 ngày 26/11/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; bà Trần Thị Ch đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Chí Minh;

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, TVN.

Phan Thanh Tùng